

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2021/HSST
Ngày: 02-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố

N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Văn T; sinh năm 1972 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; nơi ở: khu Liên Hà 2, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn P và bà: Trần Thị B; có vợ và 01 con; tiền án: ngày 07-3-2019, Tòa án nhân dân huyện M tỉnh Nam Định xử phạt 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tiền sự: không; nhân thân: ngày 16-8-1989 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 29-10-1991 Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 21-10-1995 Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 25-5-1999 Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 04-02-2009 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” do bị bệnh nặng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 21-01-2021, tổ công tác Công an phường T thành phố N làm nhiệm vụ tại khu vực trước cửa số nhà 25 đường 19/5 phường T thành phố N kiểm tra hành chính đối với Bùi Văn T đang đi bộ một mình có biểu hiện nghi vấn. Quá trình kiểm tra T tự giác lấy từ trong tay trái 01 gói nhỏ bằng nilong màu trắng giao nộp cho tổ công tác. Tổ công tác tiến hành thu giữ, mở kiểm tra bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (T khai là ma túy đá). Tổ công tác tiến hành niêm phong vật chứng, đưa T và mời người làm chứng về trụ sở Công an phường T thành phố N, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật.

Bản Kết luận giám định số 129/GĐKTHS ngày 25-01-2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 túi ni lông màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại ma túy: Methamphetamine, khối lượng: 0,540 gam (không phải năm trăm bốn mươi) gam.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn T đã khai: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21-01-2021, Tâm đi bộ từ nhà đến khu vực đường 19/5 phường T thành phố N mục đích mua ma túy về để sử dụng. Đến nơi, Tâm gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) và mua 500.000 đồng được 01 túi ma túy đá. Tâm cầm gói ma túy vừa mua được trong tay trái và đi về đến khu vực trước cửa số nhà 25 đường 19/5 phường Trần tế Xương thành phố N thì bị phát hiện, bắt giữ.

Bản Cáo trạng số 78/CT-VKSTPNĐ ngày 03-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Bùi Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Văn T phù hợp với lời khai của người làm chứng, Kết luận giám định số 129/GĐKTHS ngày 25-01-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 21-01-2021, tại khu vực trước cửa số nhà 25 đường 19/5 phường Trần tế Xương thành phố N Bùi Văn T đã có hành vi cất giấu trong người 01 gói nhỏ gói bằng nilong màu trắng chứa chất ma túy, loại ma túy: Methamphetamine, khối lượng: 0,540 (không phải năm trăm bốn mươi) gam mục đích để sử dụng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy là chất do nhà nước độc quyền quản lý, nhưng vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho nhu cầu của bản thân, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại quy định điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, có 05 lần bị kết án đã được xóa án tích. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án bị kết án chưa được xóa án tích, do đó phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Số ma túy sau khi giám định hoàn lại là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm -theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy số ma túy có trong phong bì niêm phong số 129/GĐKTHS (chi tiết vật chứng ghi trong biên bản giao nhận vật chứng).

3. Án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệm

